

BÁO CÁO**Tình hình thi hành pháp luật về an toàn thực phẩm
theo chuỗi sản phẩm rau, củ, quả và chè**

Kính gửi: Thủ tướng Chính phủ

Thực hiện Nghị định số 59/2012/NĐ-CP ngày 23/7/2012 của Chính phủ về theo dõi tình hình thi hành pháp luật, trong đó giao Bộ Tư pháp chủ trì, phối hợp với Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và các cơ quan, tổ chức có liên quan theo dõi tình hình thi hành pháp luật trong phạm vi cả nước và trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý liên ngành, có nhiều khó khăn, vướng mắc, bất cập trong thực tiễn thi hành. Sau khi trao đổi, thống nhất với các Bộ, ngành có liên quan, ngày 20/5/2014, Bộ trưởng Bộ Tư pháp đã ban hành Kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật về an toàn thực phẩm theo chuỗi sản phẩm rau, củ, quả và chè (kèm theo Quyết định số 1108/QĐ-BTP). Trên cơ sở kết quả theo dõi tình hình thi hành pháp luật do Bộ Tư pháp chủ trì thực hiện, báo cáo của các Bộ, ngành và địa phương, Bộ Tư pháp báo cáo Thủ tướng Chính phủ như sau:

**I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, TRIỂN KHAI THỰC HIỆN THEO DÕI
TÌNH HÌNH THI HÀNH PHÁP LUẬT VỀ AN TOÀN THỰC PHẨM
THEO CHUỖI SẢN PHẨM RAU, CỦ, QUẢ VÀ CHÈ****1. Kết quả đạt được**

Thực hiện quy định tại khoản 4 Điều 15 Nghị định số 59/2012/NĐ-CP về việc giao Bộ Tư pháp chủ trì, phối hợp với Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và các cơ quan, tổ chức có liên quan theo dõi tình hình thi hành pháp luật trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý liên ngành, có nhiều khó khăn, vướng mắc, bất cập trong thực tiễn thi hành, trong năm 2014, Bộ Tư pháp đã chủ động phối hợp với các Bộ, ngành tổ chức theo dõi tình hình thi hành pháp luật về an toàn thực phẩm theo chuỗi sản phẩm rau, củ, quả và chè. Đây là lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của nhiều bộ, ngành (Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Y tế và Bộ Công Thương), đồng thời là lĩnh vực đang có nhiều khó khăn, vướng mắc trong thực tiễn thi hành, tồn tại những điểm nóng của dư luận xã hội về vệ sinh an toàn thực phẩm.

Để triển khai Kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật về an toàn thực phẩm theo chuỗi sản phẩm rau, củ, quả và chè, Bộ Tư pháp đã có Công văn số 2366/BTP-VĐCXDPL ngày 20/5/2014 hướng dẫn các Bộ, ngành có liên quan và 63 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương xây dựng và tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch theo dõi thi hành pháp luật về an toàn thực phẩm theo chuỗi sản phẩm rau, củ, quả và chè thuộc phạm vi thẩm quyền của Bộ, ngành và địa phương. Các Bộ, ngành, địa phương đã ban hành văn bản chỉ đạo triển khai thực hiện theo dõi thi hành pháp luật về an toàn thực phẩm theo chuỗi sản phẩm rau, củ, quả và chè, trong đó có 13 tỉnh đã ban hành kế hoạch riêng về theo dõi tình hình thi hành pháp luật về an toàn thực phẩm theo chuỗi rau, củ, quả và chè, 18 tỉnh đã đưa lĩnh vực này vào trong kế hoạch theo dõi chung về tình hình thi hành pháp luật của địa phương mình.

Mặc dù, kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật về an toàn thực phẩm theo chuỗi sản phẩm rau, củ, quả và chè được ban hành khá muộn (tháng 5/2014 mới ban hành Kế hoạch), nhưng việc lựa chọn lĩnh vực phức tạp, nhận được sự quan tâm của cộng đồng xã hội để theo dõi là một trong những điểm mới, sáng tạo trong công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật năm 2014. Qua kiểm tra và tổng hợp báo cáo cho thấy, Kế hoạch theo dõi lĩnh vực trọng tâm sau khi ban hành đã giúp xác định rõ trách nhiệm của các cấp, các ngành, cũng như xác định được những hoạt động cụ thể, cần tổ chức triển khai trong năm 2014. Việc xây dựng Kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật trong lĩnh vực liên ngành và tổ chức triển khai thực hiện tại các Bộ, ngành có liên quan, các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đã nhận được sự hoan nghênh, đánh giá tích cực của các Bộ, ngành, địa phương, của dư luận xã hội, do đó đã tạo được sự thống nhất trong triển khai thực hiện.

Trên cơ sở Kế hoạch được ban hành, Bộ Tư pháp đã thành lập Đoàn kiểm tra kết hợp điều tra, khảo sát liên ngành với thành phần gồm đại diện Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Y tế, Bộ Công Thương, Bộ Khoa học và Công nghệ để tiến hành kiểm tra tình hình thi hành pháp luật về an toàn thực phẩm theo chuỗi sản phẩm rau, củ, quả và chè tại Thành phố Hồ Chí Minh, Long An và Thái Nguyên. Qua kiểm tra cho thấy, các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm theo chuỗi sản phẩm rau, củ, quả và chè đã được triển khai tương đối đồng bộ, mức độ tuân thủ có chuyển biến tích cực. Bên cạnh đó, theo báo cáo của 36 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (bao gồm các tỉnh, thành phố lớn như Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh, nhiều tỉnh, thành phố là các địa phương điển hình về sản xuất, chế biến, kinh doanh và tiêu thụ sản phẩm rau, củ, quả và chè) đã tổ chức 7959 cuộc kiểm tra, 01 cuộc điều tra, khảo sát về an toàn thực phẩm theo chuỗi sản phẩm rau, củ, quả và chè, đã xử lý 1201 thông tin liên quan đến an

toàn thực phẩm theo chuỗi sản phẩm rau, củ, quả và chè (*xin xem Phụ lục số 01 kèm theo*).

Việc ban hành và tổ chức kiểm tra kết hợp với điều tra, khảo sát liên ngành đã giúp công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật năm 2014 từng bước đi vào thực chất, mang lại hiệu quả tích cực. Đoàn kiểm tra đã kịp thời ghi nhận, phát hiện những vướng mắc, bất cập trong các quy định của pháp luật, đồng thời cũng đã chấn chỉnh, lưu ý đối tượng kiểm tra những vấn đề còn hạn chế, thiếu sót trong quá trình tổ chức thực hiện. Kết quả kiểm tra, điều tra, khảo sát là cơ sở quan trọng để các cơ quan nhà nước có thẩm quyền tiếp tục nghiên cứu, đề xuất các giải pháp nhằm hoàn thiện pháp luật, nâng cao hiệu quả thi hành pháp luật trong lĩnh vực an toàn thực phẩm theo chuỗi sản phẩm rau, củ, quả và chè. Đồng thời, nhiều kinh nghiệm cũng đã được rút ra nhằm tiếp tục nâng cao chất lượng của hoạt động theo dõi tình hình thi hành pháp luật đối với các lĩnh vực trọng tâm, liên ngành trong thời gian tới.

2. Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

a) Tồn tại, hạn chế

Thứ nhất: Mặc dù được xác định là lĩnh vực “nóng”, cần tạo sự chuyển biến trong quá trình thực hiện pháp luật, nhưng việc xây dựng và triển khai thực hiện kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật về an toàn thực phẩm theo chuỗi sản phẩm rau, củ, quả và chè tại nhiều địa phương còn chậm, cá biệt có địa phương không tổ chức theo dõi thi hành pháp luật trong lĩnh vực này. Đối với những địa phương tổ chức theo dõi thì còn lúng túng, hình thức theo dõi thi hành pháp luật còn đơn điệu, chủ yếu căn cứ trên báo cáo của các cơ quan nhà nước, trong khi việc tổ chức điều tra, khảo sát, thu thập và xử lý thông tin về tình hình thi hành pháp luật chưa thường xuyên, chậm được thực hiện.

Thứ hai: Việc gửi báo cáo theo dõi tình hình thi hành pháp luật về an toàn thực phẩm theo chuỗi sản phẩm rau, củ, quả và chè còn chậm, nhiều đơn vị chưa gửi báo cáo về Bộ Tư pháp để tổng hợp xây dựng báo cáo chung trình Thủ tướng Chính phủ (*xin xem Phụ lục số 01 kèm theo*), trong đó nhiều báo cáo chưa bám sát nội dung, yêu cầu, cá biệt có báo cáo còn đề cập đến kết quả công tác quản lý nhà nước của đơn vị như: kiểm tra việc thực hiện pháp luật, thanh tra...

Thứ ba: Công tác theo dõi thi hành pháp luật đối với lĩnh vực liên ngành, trọng tâm vẫn còn thiếu sự tham gia, phối hợp chặt chẽ, toàn diện giữa các cơ quan, tổ chức có liên quan, giữa Trung ương và địa phương, giữa các cơ quan thực hiện chức năng quản lý theo ngành, lĩnh vực với các cơ quan có thẩm quyền chung; giữa các cơ quan trong hệ thống cơ quan hành chính với Tòa án nhân dân, Viện Kiểm sát nhân dân, HĐND các cấp, các tổ chức đoàn thể, các cơ quan thông tin đại chúng...

Thứ tư: Qua theo dõi cho thấy, các quy định về nội dung và hoạt động theo dõi tình hình thi hành pháp luật tại Nghị định số 59/2012/NĐ-CP chưa được áp dụng đầy đủ, toàn diện trong quá trình triển khai nhiệm vụ theo dõi thi hành pháp luật đối với lĩnh vực an toàn thực phẩm theo chuỗi sản phẩm rau, củ, quả và chè. Do vậy, chất lượng báo cáo còn sơ sài, một số nhận định mang tính định tính, chủ quan, ít có những đánh giá mang tính định lượng, chưa đưa ra được nhận định khách quan về xu hướng, mức độ và nguyên nhân của tình hình vi phạm pháp luật để từ đó đề xuất các giải pháp khắc phục.

b) Nguyên nhân

Thứ nhất: Năm 2014 là năm đầu tiên triển khai thực hiện việc theo dõi tình hình thi hành pháp luật đối với lĩnh vực trọng tâm, liên ngành nên Bộ Tư pháp nói riêng, các Bộ, ngành, địa phương nói chung vẫn còn lúng túng trong quá trình tổ chức thực hiện.

Thứ hai: Lĩnh vực được lựa chọn theo dõi liên quan trực tiếp đến công tác quản lý nhà nước của nhiều Bộ, ngành nên cơ chế phối hợp gặp nhiều khó khăn, đặc biệt do Kế hoạch được ban hành tương đối chậm nên các Bộ, ngành có liên quan và các địa phương thiếu sự chủ động trong việc bố trí nguồn lực để triển khai thực hiện.

Thứ ba: Lĩnh vực trọng tâm, liên ngành được lựa chọn để theo dõi trong năm 2014 tuy là lĩnh vực “nóng”, liên quan trực tiếp đến đời sống, sức khỏe của người dân, nhưng chưa thực sự mang tính phổ biến, vấn đề theo dõi tương đối hẹp nên ít nhiều đã dẫn đến sự lúng túng cho các địa phương khi tổ chức triển khai thực hiện.

Thứ tư: Việc hướng dẫn các vấn đề phát sinh trong quá trình theo dõi tình hình thi hành pháp luật đối với lĩnh vực trọng tâm, liên ngành tại nhiều địa phương chưa thực sự kịp thời, chủ động.

II. TÌNH HÌNH THI HÀNH PHÁP LUẬT VỀ AN TOÀN THỰC PHẨM THEO CHUỖI SẢN PHẨM RAU, CỦ, QUẢ VÀ CHÈ

1. Tình hình ban hành văn bản quy định chi tiết thi hành

Việc ban hành văn bản chi tiết trong lĩnh vực an toàn thực phẩm theo chuỗi sản phẩm rau, củ, quả và chè liên quan trực tiếp đến **03 Luật**, đó là: Luật An toàn thực phẩm; Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa và Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật.

1.1. Kết quả đạt được

Sau khi Luật Chất lượng sản phẩm hàng hóa và Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật, Luật An toàn thực phẩm được Quốc hội thông qua, các Bộ,

ngành, đã rà soát các nội dung giao quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành để xây dựng, trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ ban hành hoặc ban hành theo thẩm quyền văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành. Nhiều địa phương đã ban hành quy chuẩn kỹ thuật địa phương, quy định cụ thể điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm trong sản xuất, kinh doanh thực phẩm nhỏ lẻ đối với thực phẩm đặc thù trên địa bàn cấp tỉnh.

a) Đối với Luật An toàn thực phẩm (thông qua ngày 17/6/2010, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/7/2011)

Kết quả rà soát cho thấy, trong các nội dung giao quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành, có 30 nội dung liên quan đến an toàn thực phẩm theo chuỗi sản phẩm rau, củ, quả và chè. Trong 30 nội dung giao quy định chi tiết nói trên có 10 nội dung giao cho Chính phủ, 19 nội dung giao các Bộ ban hành thông tư, thông tư liên tịch, 01 nội dung giao cho UBND cấp tỉnh ban hành quy chuẩn về an toàn thực phẩm tại địa phương.

Tính đến ngày 31/12/2014, Chính phủ, các Bộ đã ban hành 14 văn bản (02 nghị định, 01 thông tư liên tịch, 11 thông tư) để quy định chi tiết 24/29 nội dung giao quy định chi tiết, đạt 82,75%. Trong đó, Chính phủ đã quy định chi tiết 9/10 nội dung được giao, đạt 90%; Bộ Y tế, Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn, Bộ Công Thương đã quy định chi tiết 01/01 nội dung được giao ban hành thông tư liên tịch, đạt 100%; Bộ Y tế đã ban hành 02 thông tư để quy định 01/05 nội dung được giao, đạt 20,0 %; Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã ban hành 10 thông tư để quy định 13/14 nội dung được giao, đạt 92,85%. Bộ Công thương chưa ban hành 01/01 nội dung được giao quy định chi tiết. Riêng nội dung giao quy định chi tiết giao cho UBND cấp tỉnh, theo báo cáo của 36 UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, chưa có địa phương nào ban hành văn bản quy định nội dung được phân cấp.

Trong số 14 văn bản quy định chi tiết đã ban hành, không có văn bản có hiệu lực cùng thời điểm có hiệu lực của Luật. Đa số có hiệu lực sau thời điểm Luật có hiệu lực từ 01 năm trở lên.

Ngoài các nội dung giao quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành tại Luật An toàn thực phẩm, tại một số nghị định, quyết định của Thủ tướng Chính phủ, thông tư, thông tư liên tịch của các Bộ cũng giao cho các cơ quan có thẩm quyền ở Trung ương và địa phương quy định chi tiết một số nội dung.

Tại Nghị định số 38/2012/NĐ-CP ngày 25/4/2012 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật An toàn thực phẩm đã giao cho các Bộ, ngành, UBND cấp tỉnh quy định chi tiết 10 nội dung liên quan đến rau, củ, quả và chè, trong đó có 07 nội dung trùng với nội dung Luật An toàn thực phẩm đã giao các Bộ, ngành, địa phương ban hành văn bản quy định chi tiết. Trong 03 nội dung

còn lại, Chính phủ giao 01 nội dung cho Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; 01 nội dung cho Bộ Y tế, Bộ Công Thương, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; 01 nội dung giao cho Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Bộ Khoa học và Công nghệ. Tính đến ngày 31/12/2014, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành 01 thông tư, Bộ Y tế, Bộ Công Thương và Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã ban hành 01 thông tư liên tịch để quy định chi tiết 01 nội dung được giao.

(Chi tiết xem Phụ lục số 2 kèm theo)

b) Đối với Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa (thông qua ngày 21/11/2007, có hiệu lực từ 01/7/2008)

Kết quả rà soát Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa cho thấy, trong các nội dung giao quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành, theo kết quả rà soát có 08 nội dung giao quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành liên quan đến an toàn thực phẩm (bao gồm cả rau, củ, quả và chè). Trong đó, Chính phủ được giao 04 nội dung, các Bộ, cơ quan ngang Bộ được giao 04 nội dung. Tính đến ngày 31/12/2014 đã có 07/08 nội dung giao quy định chi tiết được quy định tại 08 văn bản (03 Nghị định, 05 thông tư).

Nghị định số 132/2008/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa có 03 nội dung giao quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành có liên quan đến an toàn thực phẩm (bao gồm rau, củ, quả và chè). Trong đó 01 nội dung giao cho Thủ tướng Chính phủ, 01 nội dung giao cho Bộ Khoa học và Công nghệ, 01 nội dung giao cho Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. Đến nay các cơ quan có thẩm quyền đã ban hành 03/03 nội dung giao quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành.

(Chi tiết xem Phụ lục số 3 kèm theo)

c) Đối với Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật (thông qua ngày 29/6/2006, có hiệu lực ngày 01/01/2007)

Kết quả rà soát Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật cho thấy, trong các nội dung giao quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành, có 07 nội dung có liên quan đến an toàn thực phẩm (bao gồm cả rau, củ, quả và chè). Trong đó, Chính phủ được giao 05 nội dung, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn được giao 01 nội dung, 01 nội dung giao cho Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Tính đến ngày 31/12/2014, các nội dung thuộc thẩm quyền quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành của Chính phủ và Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã được ban hành văn bản quy định chi tiết (01 Nghị định và 02 thông tư của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn).

Riêng nội dung giao quy định chi tiết giao cho UBND cấp tỉnh, theo báo cáo của 36 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, chưa có địa phương nào ban hành văn bản quy định nội dung được phân cấp.

Nghị định số 127/2007/NĐ-CP ngày 01/8/2007 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật có 01 nội dung giao quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành có liên quan đến an toàn thực phẩm (bao gồm rau, củ, quả và chè). Trong đó, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã ban hành 05 thông tư để quy định chi tiết nội dung được giao.

(Chi tiết xem Phụ lục số 4 kèm theo)

1.2. Tính thống nhất, đồng bộ, khả thi của văn bản quy định chi tiết

Văn bản quy định chi tiết thi hành Luật An toàn thực phẩm, Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa và Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật đã từng bước tạo hành lang pháp lý, góp phần nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước, nâng cao chất lượng sản phẩm rau, củ, quả và chè. Kết quả theo dõi tình hình thi hành pháp luật trong nội dung này cho thấy phần lớn văn bản quy định chi tiết bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ với văn bản quy phạm pháp luật trong lĩnh vực an toàn thực phẩm và trong hệ thống pháp luật; đa số văn bản quy định chi tiết bảo đảm tính khả thi, phù hợp với thực tiễn. Tuy nhiên, vẫn còn một số văn bản quy định chi tiết thi hành còn chưa thống nhất, đồng bộ, khả thi. Theo kết quả tổng hợp của các Bộ, ngành, địa phương, đã có 02 văn bản đang được kiến nghị Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung cho phù hợp, các Bộ đang sửa đổi, bổ sung 06 thông tư, thông tư liên tịch. Trong đó có 06 văn bản không bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ, 07 văn bản không bảo đảm tính khả thi (*xin xem Phụ lục số 5 và Phụ lục số 6 kèm theo*), tập trung vào một số nội dung sau:

- Việc phân công, phối hợp quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm;
- Quy định về sản xuất, kinh doanh thực phẩm, trong đó có rau, củ, quả và chè;
- Quy định về phí, lệ phí liên quan đến sản xuất, kinh doanh thực phẩm;
- Xử lý vi phạm trong sản xuất, kinh doanh thực phẩm, biện pháp quản lý, xử lý đối với phân bón, thuốc bảo vệ thực vật.

1.3. Đánh giá chung về tình hình ban hành văn bản quy định chi tiết

a) Kết quả đạt được

Việc xây dựng, ban hành văn bản quy định chi tiết đã được các Bộ, ngành và địa phương tích cực triển khai thực hiện. Trong đó, có nhiều Bộ, ngành và địa phương đã ban hành tương đối sớm và đến hết năm 2014 đã ban hành đầy đủ các văn bản được cơ quan có thẩm quyền giao.

Chất lượng văn bản quy định chi tiết được nâng cao rõ rệt, từng bước đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước, tiệm cận với phương pháp quản lý, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về an toàn thực phẩm của thế giới trong đó có tính đến đặc thù về điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội của Việt Nam.

b) Tồn tại, hạn chế

Tiến độ ban hành văn bản quy định chi tiết chưa đáp ứng yêu cầu văn bản quy định chi tiết phải có hiệu lực cùng thời điểm với văn bản được quy định chi tiết tại Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật¹. Đặc biệt, Luật An toàn thực phẩm, Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa, Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật đã có hiệu lực từ nhiều năm nay (trên 03 năm), nhưng vẫn còn một số văn bản quy định chi tiết vẫn chưa được ban hành (*xin xem Phụ số 2, số 3 và số 4 kèm theo*). Một số văn bản quy định chi tiết được ban hành, nhưng phải sửa đổi, bổ sung nhiều lần, gây khó khăn cho việc phổ biến, tập huấn, áp dụng và tuân thủ của cơ quan nhà nước, tổ chức, cá nhân². Một số văn bản quy định chi tiết không bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ, khả thi (*xin xem Phụ lục 5 và 6 kèm theo*).

c) Nguyên nhân

- Việc rà soát, lên danh mục văn bản quy định chi tiết chưa được thực hiện tổng thể, đồng bộ giữa các ngành có liên quan để trình Thủ tướng Chính phủ kế hoạch ban hành văn bản quy định chi tiết Luật An toàn thực phẩm.

- Số lượng nội dung giao quy định chi tiết là rất lớn, nhiều nội dung khó và phức tạp. Nhiều nội dung giao quy định chi tiết không có tính khả thi, do đó không thể ban hành văn bản quy định chi tiết³.

- Bên cạnh việc tổ chức triển khai thi hành các Luật nêu trên và ban hành văn bản quy định chi tiết, các Bộ còn phải tập trung nguồn lực cho công tác soạn thảo, trình các dự án luật, pháp lệnh nhằm bảo đảm tiến độ và chất lượng⁴.

¹ Khoản 2 Điều 7 Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 1996 được sửa đổi, bổ sung năm 2002 quy định: “Văn bản quy định chi tiết thi hành phải được soạn thảo cùng với dự án luật, pháp lệnh để trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền kịp thời ban hành khi luật, pháp lệnh có hiệu lực”.

² Ví dụ: Thông tư số 14/2011/TT-NNPTNT ngày 29/3/2011 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định việc kiểm tra, đánh giá cơ sở sản xuất kinh doanh vật tư nông nghiệp và sản phẩm nông lâm thủy sản được sửa đổi bởi Thông tư 53/2011/TT-BNNPTNT ngày 02/8/2011, Thông tư 35/2012/TT-BNNPTNT ngày 27/7/2012, Thông tư số 01/2013/TT-BNNPTNT ngày 04/01/2013, và hiện nay được thay thế bởi Thông tư 45/2014/TT-BNNPTNT ngày 03/12/2014 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định việc kiểm tra cơ sở sản xuất, kinh doanh vật tư nông nghiệp và kiểm tra, chứng nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh nông lâm thủy sản đủ điều kiện an toàn thực phẩm.

³ Ví dụ: Khoản 4 Điều 16 Luật An toàn thực phẩm quy định: “Bộ trưởng Bộ Y tế, Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, Bộ trưởng Bộ Công thương ban hành Danh mục nhóm thực phẩm được phép chiếu xạ và liều lượng được phép chiếu xạ đối với thực phẩm thuộc lĩnh vực được phân công quản lý”. Tuy nhiên, Bộ Y tế không quản lý nhóm hàng được phép chiếu xạ nên không thể ban hành văn bản quy định nội dung này.

⁴ Ví dụ: Thời gian qua Bộ Y tế xây dựng dự án luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Bảo hiểm y tế, Luật Bảo hiểm xã hội, Luật Dược,...

- Đội ngũ cán bộ, công chức làm công tác pháp chế, xây dựng pháp luật tuy đã được kiện toàn một bước song vẫn còn thiếu về số lượng, năng lực, trình độ chưa đồng đều.

- Việc đầu tư thời gian và nguồn lực cho công tác xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật nói chung và ban hành văn bản quy định chi tiết nói riêng còn hạn chế, chưa phù hợp với vị trí, vai trò, yêu cầu, tính chất phức tạp của công việc này.

2. Tình hình bảo đảm các điều kiện cho thi hành pháp luật

2.1. Tình hình phổ biến, tập huấn pháp luật các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm theo chuỗi sản phẩm rau, củ, quả và chè

Công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật về an toàn thực phẩm được các Bộ, ngành và địa phương thực hiện thường xuyên, liên tục nhưng tập trung cao điểm vào tháng vệ sinh an toàn thực phẩm, vệ sinh an toàn thực phẩm trước, trong và sau Tết nguyên đán. Nội dung tuyên truyền, phổ biến là văn bản quy phạm pháp luật về an toàn thực phẩm nói chung và an toàn thực phẩm theo chuỗi rau, củ, quả và chè, như: Luật An toàn thực phẩm, Nghị định số 38/2012/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn thực phẩm...

Việc tuyên truyền, phổ biến tập trung chủ yếu vào đội ngũ cán bộ quản lý ở địa phương, người sản xuất, kinh doanh vật tư nông nghiệp, người sản xuất kinh doanh, chế biến và tiêu dùng sản phẩm rau, củ, quả và chè với một số nội dung cơ bản như: Quy trình sản xuất rau, củ, quả và chè an toàn; sử dụng phân bón, thuốc bảo vệ thực vật; bảo quản, sử dụng rau, củ, quả và chè; nhận biết, phân biệt giữa sản phẩm an toàn và rau, củ, quả và chè có biểu hiện, nguy cơ nhiễm độc.

Trong 09 tháng đầu năm 2014, các cơ quan chức năng thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã phối hợp với các Báo Nông nghiệp, Nông thôn ngày nay, Tiền phong và Lao động đăng các bản tin hướng dẫn áp dụng Quy phạm thực hành nông nghiệp tốt VietGAP, bản tin trong chuyên mục “Nông sản sạch của bạn”, “An toàn thực phẩm nông sản” và “Vì an toàn thực phẩm nông sản”; phối hợp với Dự án QSEAP tổ chức 02 Hội nghị triển khai trọng tâm công tác 2014 và phổ biến văn bản quy phạm mới về an toàn thực phẩm cho 63 Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; tổ chức 03 hội nghị, hội thảo, lớp tập huấn cho 200 cán bộ về các văn bản mới ban hành (Luật Xử lý vi phạm hành chính, Nghị định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực nông lâm thủy sản, Luật Thanh tra...); phối hợp với Đài truyền hình Việt Nam sản xuất và phát sóng các phóng sự phổ biến mô hình quản lý ATTP theo chuỗi. Các tỉnh, thành phố đã tích cực triển khai công tác tuyên truyền, phổ biến chính sách pháp luật

và đặc biệt đã chú trọng hoạt động truyền thông về đảm bảo an toàn thực phẩm nông lâm thủy sản (tổ chức 4421 hội thảo, hội nghị cho 188.777 lượt người tham dự; in, phát 194.800 tờ rơi, tờ dán, băng rôn tuyên truyền an toàn thực phẩm, tài liệu kỹ thuật; phối hợp với đài phát thanh truyền hình các tỉnh/thành phố, các báo địa phương và truyền thông lưu động phát 2.362 bản tin/phóng sự).

Qua tổng hợp báo cáo của các Bộ, ngành và địa phương cho thấy, công tác phổ biến, tập huấn pháp luật về an toàn thực phẩm theo chuỗi rau, củ, quả và chè đã góp phần nâng cao nhận thức, ý thức chấp hành pháp luật, chuyên môn của cán bộ công chức, tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh rau, củ, quả và chè.

2.2. Bảo đảm nguồn lực triển khai thi hành các quy định của pháp luật an toàn thực phẩm theo chuỗi sản phẩm rau, củ, quả và chè

a) Về tổ chức bộ máy, biên chế

Tổ chức bộ máy, biên chế làm công tác an toàn thực phẩm nói chung và an toàn thực phẩm theo chuỗi sản phẩm rau, củ, quả và chè nói riêng từng bước được củng cố, kiện toàn từ Trung ương tới địa phương.

Tại Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Cục Trồng trọt, Cục Bảo vệ thực vật, Cục Quản lý chất lượng nông lâm, thủy sản, Cục Chế biến nông lâm thủy sản và nghề muối là các đơn vị được giao chức năng, nhiệm vụ giúp Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thực hiện quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm nông nghiệp, trong đó có sản phẩm rau, củ, quả và chè. Tại các đơn vị này đều có bộ phận chức năng (phòng, trung tâm) thực hiện quản lý về an toàn thực phẩm theo chuỗi sản phẩm rau, củ, quả và chè (Cục Trồng trọt⁵ có 02 trung tâm Khảo nghiệm kiểm nghiệm giống, sản phẩm cây trồng và trung tâm Khảo nghiệm phân bón; Cục Bảo vệ thực vật⁶ có Phòng quản lý an toàn thực phẩm và Môi trường, 09 Chi cục Kiểm dịch thực vật vùng với hơn 80 trạm Kiểm dịch thực vật tại các cửa khẩu thực hiện công tác kiểm dịch thực vật và kiểm tra an toàn thực phẩm đối với hàng hóa thực phẩm có nguồn gốc thực vật xuất khẩu, nhập khẩu, 04 Trung tâm bảo vệ thực vật vùng thực hiện dự tính, dự báo và giám sát sinh vật có hại trên đồng ruộng, 02 trung tâm Kiểm định và khảo nghiệm thuốc bảo vệ thực vật đạt tiêu chuẩn ISO/IEC 17025 thực hiện nhiệm vụ kiểm định chất lượng thuốc bảo vệ thực vật và phân tích dư lượng

⁵ Quản lý sản xuất, kinh doanh, chất lượng phân bón hữu cơ và phân bón khác thuộc phạm vi quản lý của Bộ, chi đạo xây dựng, kiểm tra thực hiện quy hoạch sản xuất nông sản thực phẩm an toàn, quản lý chất lượng an toàn thực phẩm đối với các cơ sở sản xuất trồng trọt, cơ sở sơ chế (gắn với cơ sở trồng trọt), vùng sản xuất tập trung các sản phẩm trồng trọt dùng để xuất khẩu. Trình Bộ ban hành VietGAP, các tiêu chuẩn quốc gia, quy chuẩn quốc gia về điều kiện sản xuất quản lý chất lượng và an toàn thực phẩm đối với sản phẩm trồng trọt và hướng dẫn, triển khai áp dụng.

⁶ Quản lý thuốc bảo vệ thực vật, quản lý chất lượng, an toàn thực phẩm (xây dựng, tổ chức triển khai chương trình giám sát và đánh giá nguy cơ về an toàn thực phẩm đối với nông sản thực vật, kiểm tra lô hàng thực phẩm có nguồn gốc thực vật xuất khẩu, nhập khẩu vào Việt Nam).

thuộc bảo vệ thực vật, kim loại nặng, vi sinh vật, aflatoxin trong thực phẩm; Cục Quản lý chất lượng⁷ có Phòng Quản lý chất lượng nông lâm sản, Phòng Quản lý kiểm nghiệm và nguy cơ an toàn thực phẩm, 02 cơ quan Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản Trung Bộ và Nam Bộ đặt tại Khánh Hòa và Thành phố Hồ Chí Minh, 07 Trung tâm chất lượng nông lâm thủy sản của các vùng đặt tại 07 tỉnh, thành phố trong cả nước; Cục Chế biến nông lâm thủy sản và Nghề muối⁸ có Phòng Chế biến và bảo quản Nông sản).

Tại các địa phương, thực hiện Quyết định số 809/QĐ-TTg ngày 30/5/2011 của Thủ tướng Chính phủ về Đề án tăng cường năng lực quản lý chất lượng nông, lâm, thủy sản và muối giai đoạn 2011-2015. Đến nay đã có 63/63 tỉnh/thành phố thành lập Chi cục Quản lý Chất lượng Nông Lâm sản và Thủy sản vào hoạt động. Ngoài ra các Chi cục Thú y, Bảo vệ thực vật, Thủy sản cũng tham gia triển khai quản lý, kiểm tra chất lượng an toàn thực phẩm nông lâm thủy sản theo phân công của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. Một số Chi cục Quản lý chất lượng nông, lâm, thủy sản địa phương đã được thành lập Trạm kiểm nghiệm hoặc các đơn vị sự nghiệp trực thuộc về kiểm nghiệm và tư vấn đảm bảo chất lượng, an toàn thực phẩm nông lâm thủy sản. Hệ thống thanh tra chuyên ngành chất lượng an toàn thực phẩm đã đi vào hoạt động ở hầu hết các địa phương, tuy nhiên tên gọi và chức năng, nhiệm vụ của đơn vị chưa thống nhất giữa các tỉnh/thành phố. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã cấp 780 thẻ công chức thanh tra chuyên ngành cho công chức được giao thực hiện nhiệm vụ thanh tra chuyên ngành theo Nghị định số 07/2012/NĐ-CP ngày 09/02/2012 và Thông tư số 34/2013/TT-BNNPTNT ngày 24/6/2013.

Tại cấp huyện và cấp xã các địa phương, theo báo cáo của UBND các tỉnh, tại cấp huyện và cấp xã đã bố trí cán bộ làm công tác an toàn thực phẩm. Tuy nhiên, số lượng cán bộ chưa đáp ứng yêu cầu đặt ra. Tại cấp xã có 01 cán bộ y tế kiêm nhiệm nhiệm vụ giúp UBND về an toàn thực phẩm. Tại cấp huyện, công tác quản lý về an toàn thực phẩm giao cho phòng kinh tế (phòng kinh tế - nông nghiệp) đảm nhận. Tại một số quận thuộc UBND các thành phố trực thuộc Trung ương không có Phòng Nông nghiệp thì công tác quản lý về an toàn thực phẩm được giao cho Phòng Y tế hoặc Trung tâm Y tế thực hiện.

b) Về kinh phí, cơ sở vật chất, kỹ thuật

Thời gian qua kinh phí, cơ sở vật chất bảo đảm triển khai thực hiện Luật An toàn thực phẩm và các văn bản hướng dẫn thi hành nói chung đã được các

⁷ Đầu mỗi tổ chức thực thi pháp luật về chất lượng an toàn thực phẩm nông lâm thủy sản thuộc phạm vi quản lý của Bộ, quản lý chất lượng an toàn thực phẩm nông lâm sản kiểm tra theo kế hoạch hoặc đột xuất trong toàn bộ các công đoạn của sản xuất, kinh doanh nông lâm sản, kiểm tra các chợ đầu mối, chợ đầu giá nông lâm sản; kiểm tra, chứng nhận an toàn thực phẩm đối với các sản phẩm trước khi xuất khẩu hoặc đưa ra tiêu thụ nội địa.

⁸ Kiểm tra, phân loại và cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đối với cơ sở sơ chế, chế biến, bảo quản sản phẩm thực vật để xuất khẩu.

cấp, các ngành quan tâm bố trí theo hướng dẫn đáp ứng yêu cầu đặt ra. Cùng với việc thành lập, kiện toàn tổ chức, bố trí, sắp xếp biên chế làm công tác an toàn thực phẩm tại Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Y tế, Sở Công Thương, nhiều trụ sở, kho tàng, máy móc, trang thiết bị đã được xây dựng, trang cấp cho các đơn vị chuyên môn bảo đảm vệ sinh an toàn thực phẩm, trong đó có rau, củ, quả và chè. Đặc biệt là kinh phí, cơ sở vật chất bảo đảm từ Chương trình mục tiêu quốc gia vệ sinh an toàn thực phẩm giai đoạn 2012-2015 (được phê duyệt theo Quyết định số 1228/QĐ-TTg ngày 09/7/2012 của Thủ tướng Chính phủ).

2.3. Đánh giá chung tình hình bảo đảm các điều kiện cho thi hành pháp luật

a) Ưu điểm và kết quả đạt được

- Công tác tuyên truyền, tập huấn pháp luật về an toàn thực phẩm đã được các Bộ, ngành, địa phương quan tâm triển khai thường xuyên, liên tục và rộng khắp, với nhiều hình thức phong phú, đa dạng nên đã góp phần nâng cao nhận thức của cán bộ, công chức và người dân, từng bước làm thay đổi tập quán, thói quen sản xuất, chế biến, lưu thông, tiêu dùng lạc hậu.

- Tổ chức bộ máy thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước trong lĩnh vực này cũng đã được chú trọng kiện toàn, đồng thời các cơ quan nhà nước có thẩm quyền cũng đã bố trí, sắp xếp đội ngũ cán bộ để tổ chức thực hiện các nhiệm vụ được giao.

- Trong phạm vi điều kiện cho phép, các Bộ, ngành, địa phương cũng đã bố trí kinh phí, huy động nguồn lực bảo đảm thực hiện các quy định của pháp luật an toàn thực phẩm theo chuỗi sản phẩm rau, củ, quả và chè.

b) Tồn tại, hạn chế, nguyên nhân

- Nhận thức của người dân, doanh nghiệp về pháp luật liên quan đến việc bảo đảm an toàn thực phẩm trong sản xuất rau, củ, quả, chè chưa triệt để, chưa đầy đủ⁹. Do vậy, vẫn còn những vụ việc vi phạm pháp luật trong lĩnh vực này thời gian qua. Nguyên nhân một phần là do phương pháp, cách thức tuyên truyền, phổ biến các quy định pháp luật còn mang tính hình thức, chậm được đổi mới và thiếu yếu tố thực tiễn.

- Việc phân định chức năng, nhiệm vụ quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm vẫn còn nhiều bất cập, trùng lặp, thiếu khoa học; cơ cấu tổ chức, biên chế chưa đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ đặt ra, nhất là tại tuyến huyện và xã.

⁹ Theo kết quả khảo sát, có 111 người trên 207 người được hỏi cho biết chi hiểu biết “sơ sơ” về an toàn thực phẩm đối với rau, củ, quả và chè.

- Tại Chi Cục quản lý chất lượng, cơ sở vật chất, trang thiết bị vẫn còn nhiều hạn chế như: nhiều đơn vị chưa có trụ sở làm việc riêng, chưa được trang bị máy móc, trang thiết bị, hóa chất phục vụ việc phân tích các chỉ tiêu liên quan đến rau, củ, quả và chè. Việc thiếu các phòng kiểm nghiệm được công nhận tại nhiều địa phương đã ảnh hưởng không nhỏ tới hiệu quả kiểm nghiệm, xét nghiệm sản phẩm rau, củ, quả và chè.

- Kinh phí bảo đảm nhiệm vụ này chưa được bố trí đầy đủ, đặc biệt là kinh phí cho lấy mẫu và phân tích mẫu; kho tàng bảo quản tang vật vi phạm (như phân bón, thuốc trừ sâu giả...); kinh phí tiêu hủy tang vật vi phạm hành chính,...

3. Tình hình tuân thủ pháp luật

3.1. Đánh giá việc tuân thủ và áp dụng các quy định của pháp luật đối với khâu trồng trọt

a) Đối với việc sử dụng vật tư đầu vào (phân bón, thuốc bảo vệ thực vật)

- Việc quản lý phân bón, thuốc bảo vệ thực vật

Trong những năm qua, các cơ quan quản lý nhà nước đã ban hành nhiều quy định về quản lý phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, giúp cho việc quản lý các loại vật tư nông nghiệp này ngày càng chặt chẽ, hiệu quả hơn. Công tác tuyên truyền, tuyên truyền vận động, kiểm tra, thanh tra, xử lý vi phạm pháp luật được chú trọng thực hiện. Kết quả giám sát trên diện rộng cho thấy tỷ lệ mẫu phân bón, thuốc bảo vệ thực vật vi phạm chất lượng nói chung tuy vẫn còn ở mức cao, nhưng đã có xu hướng giảm: năm 2013 là 9,2 %, năm 2012 là 17%¹⁰.

- Việc sử dụng thuốc bảo vệ thực vật

Thuốc bảo vệ thực vật giữ vai trò quan trọng trong việc giữ vững năng suất, bảo đảm chất lượng nông sản nói chung và rau, củ, quả và chè nói riêng. Sử dụng thuốc bảo vệ thực vật cơ bản đã trở thành một khâu trong quy trình sản xuất nông sản từ nhiều năm qua. Tuy nhiên, theo báo cáo của các địa phương, qua thanh tra, kiểm tra cho thấy, trong việc sản xuất rau, củ, quả và chè, hiện nay, trừ một số cơ sở sản xuất quy mô lớn, người nông dân không có kiến thức nhiều về các loại phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, việc sử dụng loại phân bón, thuốc bảo vệ thực vật thường theo kinh nghiệm và thường theo tư vấn của các cơ sở kinh doanh phân bón, thuốc bảo vệ thực vật. Vì vậy, hiện tượng sử dụng phân bón, thuốc bảo vệ thực vật không đúng chủng loại, liều lượng, dẫn đến làm giảm hiệu quả sử dụng. Mặt khác, vấn đề đảm bảo thời gian cách ly trước khi thu hoạch cũng chưa được đảm bảo. Bên cạnh đó, việc sử dụng phân bón, thuốc

¹⁰ Công văn số 1019 /QLCL-TTTP ngày 10/6/2014 của Cục Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản về việc phối hợp giải quyết ý kiến, kiến nghị của cử tri và nhân dân tại kỳ họp thứ 7 Quốc hội Khóa XIII.

bảo vệ thực vật giả, không rõ nguồn gốc xuất xứ, kém chất lượng cũng là nguyên nhân ảnh hưởng tới chất lượng của rau, củ, quả.

b) Đối với quá trình sản xuất

Việc sản xuất rau, củ, quả và chè đã có nhiều tiến bộ, đổi mới, đáp ứng yêu cầu của xã hội về chủng loại, chất lượng. Quy trình sản xuất đã có nhiều thay đổi, nhất là tại các cơ sở sản xuất lớn, vùng sản xuất tập trung.

Việc xây dựng và phát triển mô hình chuỗi cung cấp thực phẩm nông lâm thủy sản an toàn đã được triển khai trên phạm vi toàn quốc. Năm 2013, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã triển khai 10 mô hình rau an toàn tại Hoà Bình, Hà Nam, Ninh Bình, Bắc Giang, Vĩnh Phúc, Hưng Yên, Sơn La, Đắk Lắk, Quảng Nam, Khánh Hoà, thành phố Hồ Chí Minh, Tiền Giang, 01 mô hình quả an toàn tại Ninh Thuận; 03 mô hình chè an toàn tại Thái Nguyên, Phú Thọ, Lâm Đồng. Năm 2014 Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã hỗ trợ một số tỉnh trên cả nước xây dựng, xây dựng 01 mô hình chuỗi rau mới và hoàn thiện 9 mô hình rau, quả, chè đã triển khai năm 2013.

Tại các địa phương, phần lớn các tỉnh đã phê duyệt quy hoạch vùng sản xuất rau, quả an toàn, tập trung của địa phương mình, trong đó các tỉnh cũng đã tập trung vào việc quy hoạch các vùng rau, quả, chè là cây trồng đặc thù của địa phương. Đối với Quy trình sản xuất VietGap: Thực hiện các văn bản quy định về VietGap, đặc biệt là Quyết định số 01/2012/QĐ-TTg ngày 09/01/2012 của Thủ tướng Chính phủ về một số chính sách hỗ trợ việc áp dụng Quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt trong nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản, các địa phương đã hỗ trợ cho các hộ gia đình, hợp tác xã, cá nhân xây dựng các cơ sở sản xuất rau, củ, quả và chè theo mô hình VietGap và đánh giá, cấp Giấy chứng nhận VietGap, cơ sở đủ điều kiện sản xuất an toàn thực phẩm cho các cơ sở này. Đa số các địa phương không ban hành văn bản quy định về việc hỗ trợ mang tính chất đặc thù của địa phương mà chủ yếu áp dụng hỗ trợ trên cơ sở Quyết định số 01/2012/QĐ-TTg và Thông tư số 42/2012/TT-BNNPTNT.

Đối với cá nhân, tổ chức sản xuất rau, củ, quả, trong những năm vừa qua, kỹ thuật canh tác đã có nhiều thay đổi, chuyển biến tích cực. Người dân đã từng bước thay đổi tập quán, kỹ thuật canh tác cũ, lạc hậu sang hình thức sản xuất tiên tiến, chuyên nghiệp, hiện đại hơn. Nhờ đó, năng suất, chất lượng được nâng lên đáng kể.

Một số mô hình đã phát huy hiệu quả, ký được hợp đồng tiêu thụ sản phẩm đối với các siêu thị lớn như Big C, Coopmart...v.v. như mô hình trồng bí xanh, cà chua tại Hải Dương. Đối với các mô hình có giấy chứng nhận VietGap này, nếu ký kết được hợp đồng bao tiêu sản phẩm với các doanh nghiệp thì giá

cả thường ổn định và cao hơn giá thị trường như bí xanh, cà chua tại Hải Dương hay vải ở Bắc Giang.

3.2. Đánh giá việc tuân thủ và áp dụng các quy định của pháp luật đối với khâu sơ chế, chế biến

Số liệu từ báo cáo của các địa phương cho thấy, số lượng cơ sở chế biến rau, củ, quả tại các địa phương không nhiều, rất ít các cơ sở chế biến lớn, phần lớn có quy mô hộ gia đình hoặc cơ sở chế biến nhỏ lẻ. Việc chế biến của các hộ gia đình thường thực hiện theo phương pháp thủ công. Đối với các cơ sở chế biến lớn, đặc biệt là các cơ sở chuyên sản xuất cho xuất khẩu đã đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm.

Qua công tác kiểm tra và phân tích mẫu rau, củ, quả và chè của các địa phương cho thấy, nhìn chung, việc sử dụng chất cấm trong chế biến rau, củ, quả và chè còn xảy ra nhưng không mang tính chất phổ biến. Một số địa phương có phát hiện ra các mẫu có dư lượng thuốc bảo vệ thực vật dưới ngưỡng cho phép. Ví dụ: Phú Thọ 03 năm 2012-2014 phát hiện 22/231 mẫu dư lượng thuốc bảo vệ thực vật dưới ngưỡng cho phép, 06/231 mẫu rau có dư lượng nitorát trong đó có 03 mẫu có dư lượng nitorát vượt ngưỡng cho phép.

Tổng hợp báo cáo của các địa phương cho thấy, trong khâu sơ chế, chế biến còn tồn tại nhiều hành vi vi phạm, nổi lên là: Không có giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm; không có giấy khám sức khỏe định kỳ; giấy xác nhận tập huấn kiến thức an toàn thực phẩm hết hạn, không sử dụng bảo hộ lao động đầy đủ; cơ sở vật chất kỹ thuật không đảm bảo an toàn thực phẩm: bảo hộ lao động, công tác vệ sinh nhà xưởng, trang thiết bị chưa sạch sẽ.

3.3. Đánh giá việc tuân thủ và áp dụng các quy định của pháp luật đối với khâu lưu thông

Để đảm bảo chất lượng, an toàn thực phẩm đối với các sản phẩm nông sản trước khi lưu thông ra thị trường, trong đó có các sản phẩm rau, củ, quả và chè, hàng năm, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các địa phương đã tích cực triển khai chương trình giám sát an toàn thực phẩm theo quy định của Thông tư số 05/2010/TT-BNNPTNT, tổ chức kiểm tra, đánh giá, phân loại các cơ sở sản xuất, kinh doanh, sơ chế, chế biến các sản phẩm nông sản.

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Cục Bảo vệ thực vật thuộc) đã tiến hành giám sát ô nhiễm sinh học và tồn dư hóa chất trên các sản phẩm rau, củ, quả tươi tại các vùng sản xuất và các thị trường tiêu thụ trọng điểm. Cụ thể năm 2012, đã lấy mẫu và phân tích 1200 mẫu, phát hiện 73 mẫu (chiếm 6,08%) vượt dư lượng tối đa cho phép (MRLs). Năm 2013, đã lấy mẫu và phân tích 1000 mẫu, phát hiện 148 mẫu (chiếm 14,8 %) vượt mức dư lượng tối đa cho

phép (MRLs). Trong năm 2014, chương trình giám sát tiếp tục được thực hiện với kế hoạch lấy 450 mẫu rau (đậu đũa, gia vị và rau ngót) tại cơ sở sản xuất ở các tỉnh, thành phố (Vĩnh Phúc, Hải Dương, Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh, Thanh Hóa Nghệ an, Đà Nẵng, Khánh Hòa, Tiền Giang, Long An) để phân tích dư lượng.

Các địa phương cũng đã tích cực, chủ động trong việc triển khai thực hiện Chương trình giám sát ATTP nông sản trước khi đưa ra thị trường theo kế hoạch hàng năm thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia Vệ sinh an toàn thực phẩm và chủ động trong việc kiểm tra theo kế hoạch của địa phương đối với các cơ sở sản xuất kinh doanh thực phẩm nông sản có nguồn gốc từ thực vật gồm cơ sở trồng trọt, sơ chế, chế biến, bảo quản thành phẩm. Kết quả kiểm tra giám sát cho thấy các hiện tượng chủ yếu xảy ra: Có tồn dư thuốc bảo vệ thực vật nhưng trong mức giới hạn cho phép; có tồn dư thuốc bảo vệ thực vật vượt mức giới hạn cho phép; nhiễm Nitrat do người dân sử dụng nhiều phân hóa học, chưa cách ly đủ thời gian trước khi thu hoạch, nhiễm Ecoli v.v...

Trong công tác kiểm tra hàng hóa có nguồn gốc thực vật nhập khẩu, Thông tư số 13/2011/TT-BNNPTNT và Thông tư số 05/2013/TT-BNNPTNT đã giúp các cơ quan cơ quan chức năng thực hiện Kiểm tra an toàn thực phẩm hàng hóa có nguồn gốc thực vật nhập khẩu theo quy định của Luật An toàn thực phẩm và Nghị định 38/2012/NĐ-CP. Trong thời gian qua, việc áp dụng Thông tư đã phát huy được tính hiệu quả công tác quản lý hàng hóa nhập khẩu, nhiều trường hợp phát hiện vi phạm quy định về an toàn thực phẩm đã được thông báo cho các cơ quan có thẩm quyền của nước xuất khẩu để phối hợp điều tra nguyên nhân, khắc phục sự cố gây mất an toàn thực phẩm. Tuy nhiên, hiện nay việc kiểm tra an toàn thực phẩm đối với loại hình tạm nhập tái xuất còn bất cập vì Nghị định 38/2012/NĐ-CP không miễn kiểm tra nhưng với loại hình này không thể lấy mẫu để kiểm tra An toàn thực phẩm (được niêm phong kẹp chì từ khi nhập đến khi xuất khỏi Việt Nam).

Nhìn chung, qua việc thực hiện thu mẫu giám sát chất lượng sản phẩm nông sản cho thấy, đa phần các cơ sở kinh doanh với quy mô nhỏ lẻ, hộ gia đình, số lượng ít nên chưa nắm được các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm trong quá trình kinh doanh thực phẩm, không thực hiện việc ghi chép trong quá trình sản xuất, sơ chế, chế biến, kinh doanh, sử dụng phân bón, thuốc bảo vệ thực vật nên khó xác định nguyên nhân, truy xuất nguồn gốc.

3.4. Đánh giá chung về tình hình tuân thủ pháp luật

a) Ưu điểm và kết quả đạt được

- Các cơ quan nhà nước có thẩm quyền đã thực hiện tương đối tốt việc quản lý, chỉ đạo, điều hành, triển khai thực hiện văn bản quy phạm pháp luật

về an toàn thực phẩm theo chuỗi sản phẩm rau, củ, quả và chè. Công tác thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm pháp luật trong lĩnh vực này ngày càng được chú trọng thực hiện.

- Người dân, cơ sở sản xuất, chế biến, tiêu thụ rau, củ, quả và chè, đặc biệt là các cơ sở có quy mô lớn ngày càng có ý thức đầu tư để đáp ứng yêu cầu về điều kiện, tiêu chuẩn, quy chuẩn sản xuất, chế biến, kinh doanh sản phẩm rau, củ, quả và chè, đã góp phần nâng cao chất lượng các loại thực phẩm này.

- Ý thức, thói quen lựa chọn và sử dụng các loại sản phẩm rau, củ, quả và chè có nguồn gốc rõ ràng, đảm bảo chất lượng của người tiêu dùng được nâng lên đã góp phần làm giảm nguy cơ ngộ độc thực phẩm liên quan đến các sản phẩm nêu trên.

b) Tồn tại, hạn chế, nguyên nhân

- Việc sử dụng phân bón và thuốc bảo vệ thực vật không đúng liều lượng, chủng loại vẫn còn diễn ra phổ biến, nhất là đối với các hộ sản xuất, kinh doanh nhỏ lẻ. Nguyên nhân là do nhận thức, ý thức và thói quen của người nông dân. Bên cạnh đó, việc kiểm tra, xử lý hành vi vi phạm chưa đạt được hiệu quả. Đối với vi phạm của người nông dân, các cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền chủ yếu là nhắc nhở mà không xử phạt vi phạm hành chính. Ngoài ra, có một số lượng lớn hộ kinh doanh phân bón, thuốc bảo vệ thực vật nhỏ lẻ không có giấy phép kinh doanh. Các đối tượng này chỉ buôn bán theo thời vụ, quy mô nhỏ lẻ nên rất khó kiểm soát. Đây là một trong những nguyên nhân của tình trạng kinh doanh, buôn bán các loại thuốc bảo vệ thực vật trái phép, dẫn đến việc các loại thuốc bảo vệ thực vật nằm trong danh mục cấm sử dụng nhưng vẫn được lưu thông trên thị trường.

- Phần lớn các cơ sở sản xuất, chế biến rau, củ, quả và chè ở nước ta có quy mô nhỏ, kỹ thuật canh tác vẫn còn lạc hậu, ý thức chấp hành pháp luật chưa cao. Việc sản xuất rau, củ, quả và chè theo quy trình sản xuất an toàn, theo VietGap còn hạn chế cả về diện tích gieo trồng và sản lượng. Người dân chưa thực sự mặn mà với việc sản xuất theo quy trình VietGap mặc dù hiện nay đang được hỗ trợ từ nhà nước, đó là do các nguyên nhân sau:

+ Chưa có chính sách khuyến khích, hỗ trợ doanh nghiệp tham gia liên kết sản xuất, kinh doanh, tiêu thụ sản phẩm an toàn, vì vậy, sản phẩm trồng theo quy trình VietGap hoặc các quy trình Gap khác vẫn phải bán ra thị trường như các sản phẩm trồng theo quy trình thông thường khác, giá cả chênh lệch không nhiều so với loại sản phẩm đó sản xuất theo bình thường, không tương xứng với công sức bỏ ra.

+ Việc quản lý sản xuất và tiêu thụ rau an toàn mới dừng lại ở hình thức tuyên truyền, vận động, nhắc nhở nên chưa đủ mạnh để thay đổi tập quán canh tác cũng như tiêu dùng không đảm bảo an toàn (tập quán cũ), đồng thời chưa thật sự thúc đẩy nông dân tích cực đăng ký tham gia vào các cơ sở sản xuất rau an toàn.

+ Quyền lợi của các hộ nông dân khi tham gia sản xuất rau an toàn chưa đủ hấp dẫn để nông dân duy trì sản xuất rau an toàn một cách tự nguyện và bền vững.

+ Quy trình thực hiện VietGap còn phức tạp so với trình độ và thói quen của người nông dân.

- Việc sơ chế, bảo quản rau, củ, quả và chè về cơ bản vẫn thực hiện theo phương pháp, kỹ thuật cũ, lạc hậu làm ảnh hưởng tới chất lượng sản phẩm. Bên cạnh đó, việc sử dụng các chất cấm hoặc sử dụng quá liều lượng chất bảo quản đã làm giảm chất lượng và là nguy cơ tiềm ẩn gây ngộ độc thực phẩm.

- Việc kiểm tra, giám sát chất lượng rau, củ, quả và chè thường triển khai tại các chợ đầu mối và các cơ sở sản xuất lớn. Việc kiểm tra, giám sát chất lượng tại khu vực nông thôn và các chợ dân sinh chưa được thực hiện thường xuyên. Nguyên nhân là do khó khăn về kinh phí kiểm tra, xét nghiệm và nhân lực thực hiện.

- Việc thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm chưa được thực hiện quyết liệt, thường xuyên. Nhiều hành vi vi phạm chưa được xử lý theo đúng quy định của pháp luật nên đã làm giảm hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước trong lĩnh vực này.

Đánh giá chung:

Thực hiện Luật An toàn thực phẩm, Luật Chất lượng sản phẩm hàng hóa, Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật và các văn bản hướng dẫn thi hành, các Bộ, ngành, địa phương đã tích cực triển khai và đôn đốc, hướng dẫn các địa phương thực hiện các công việc để quản lý an toàn thực phẩm đối với các sản phẩm nông sản nói chung và sản phẩm rau, củ, quả chè nói chung, cụ thể là: (i) xây dựng, trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ ban hành văn bản quy định chi tiết; ban hành các Thông tư, quy chuẩn kỹ thuật về điều kiện sản xuất, kinh doanh về kiểm tra, giám sát đối với các cơ sở sản xuất, kinh doanh, chế biến các sản phẩm rau, củ, quả và chè (*xin xem Phụ lục 2, Phụ lục 3 và Phụ lục 4 kèm theo*); (ii) đào tạo, tập huấn, tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật về an toàn thực phẩm cho các cán bộ quản lý ở địa phương, người dân, doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất, kinh doanh, chế biến rau, củ, quả và chè; (iii) quy định trách nhiệm của các địa phương trong việc quy hoạch các vùng trồng rau an

toàn, xây dựng các cơ chế, chính sách để hỗ trợ, khuyến khích người dân thực hiện việc sản xuất rau, củ, quả và chè theo mô hình VietGap và các Gap khác... Với việc triển khai các công việc trên, công tác quản lý đảm bảo chất lượng An toàn thực phẩm có tiến bộ rõ rệt, điều kiện an toàn thực phẩm tại các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm bước đầu được cải thiện hơn, các cơ quan quản lý, cơ sở sản xuất, kinh doanh, người dân ngày càng quan tâm hơn trong việc sản xuất, buôn bán cũng như chế biến thực phẩm đảm bảo an toàn thực phẩm.

Tuy nhiên, bên cạnh đó, việc thực hiện các quy định về an toàn thực phẩm đối với chuỗi sản phẩm rau, củ, quả và chè vẫn còn một số hạn chế, cụ thể là:

- Tổ chức được giao quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản chưa hoàn thiện, lực lượng cán bộ quản lý vật chất còn mỏng, cơ sở vật chất và trang thiết bị kiểm nghiệm còn thiếu đã gây hạn chế cho công tác quản lý chất lượng, an toàn thực phẩm của ngành nông nghiệp.

- Chưa xây dựng được nhiều vùng sản xuất rau an toàn, nhiều chuỗi sản xuất, sơ chế, chế biến và cung cấp thực phẩm an toàn, phù hợp với yêu cầu của thị trường trong và ngoài nước.

- Ý thức chấp hành pháp luật về quản lý chất lượng an toàn thực phẩm và trách nhiệm sản xuất, kinh doanh thực phẩm đối với cộng đồng còn chưa cao. Số lượng cơ sở sản xuất phân tán, nhỏ lẻ, manh mún nên khó kiểm soát, mức độ đảm bảo an toàn thực phẩm còn thấp.

- Kinh phí dành cho hoạt động thanh tra, kiểm tra ở một số địa phương chưa thực sự được quan tâm đúng mức. Công tác kiểm tra, giám sát và xử lý vi phạm về an toàn thực phẩm còn hạn chế mới chỉ dừng lại ở khâu tuyên truyền, nhắc nhở vì đối tượng vi phạm chủ yếu là các cơ sở sản xuất, sơ chế, chế biến nhỏ lẻ.

- Một số văn bản quy phạm pháp luật còn chưa thống nhất, đồng bộ, chưa bảo đảm tính khả thi.

III. GIẢI PHÁP VÀ ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

1. Giải pháp

- Hoàn chỉnh hệ thống văn bản quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm đối với chuỗi rau, củ, quả và chè, trong đó đặc biệt là rà soát, phân định rõ chức năng, nhiệm vụ của từng ngành trên nguyên tắc một việc chỉ do một cơ quan chủ trì thực hiện, đối với những công việc đòi hỏi phải có sự phối hợp thì phải được rõ ràng, cụ thể một cơ quan chủ trì, chịu trách nhiệm chính, khắc phục tình trạng đùn đẩy trách nhiệm trong quản lý, điều hành.

- Tăng cường sự phối hợp giữa các Bộ, ngành có liên quan trong công tác chỉ đạo, điều hành các cơ quan chức năng, chính quyền địa phương để tránh trùng lặp, chồng chéo; đồng thời phát huy vai trò, trách nhiệm của các cán bộ, công chức trong công tác quản lý an toàn thực phẩm.

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động, giáo dục, nâng cao ý thức chấp hành Luật An toàn thực phẩm, Luật Chất lượng sản phẩm hàng hóa, Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật; tăng cường các hoạt động kiểm tra, giám sát và xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực này.

- Rà soát lại tổ chức bộ máy, biên chế làm công tác an toàn thực phẩm nói chung và an toàn thực phẩm theo chuỗi sản phẩm rau, củ, quả và chè nói riêng, nhất là đối với cấp huyện và cấp xã.

- Bố trí đủ kinh phí, cơ sở vật chất, vật tư trang thiết bị phục vụ công tác kiểm tra, giám sát, xét nghiệm sản phẩm rau, củ, quả và chè, tiêu hủy tang vật vi phạm hành chính, nhất là đối với phân bón, thuốc trừ sâu.

- Tiếp tục triển khai các chương trình giám sát, kiểm tra an toàn thực phẩm trên toàn quốc, từ khâu sản xuất đến khâu lưu thông, đảm bảo phát hiện các loại sản phẩm có nguy cơ về an toàn thực phẩm nhằm ngăn chặn quá trình lưu thông, cảnh báo cho người tiêu dùng; Tổ chức triển khai các mô hình sản xuất theo mô hình chuỗi cung cấp thực phẩm nông lâm thủy sản an toàn trên phạm vi toàn quốc.

2. Đề xuất, kiến nghị

Bộ Tư pháp kiến nghị Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo các Bộ, ngành, địa phương thực hiện một số nội dung sau:

- Bộ Y tế, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Công Thương khẩn trương xây dựng trình Chính phủ, Thủ tướng chính phủ ban hành và ban hành theo thẩm quyền văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành, sửa đổi, bổ sung các văn bản quy phạm pháp luật có nội dung liên quan đến an toàn thực phẩm theo chuỗi sản phẩm rau, củ, quả và chè cũng như các nội dung về an toàn thực phẩm trong Luật An toàn thực phẩm, Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa, Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật (*xin xem phụ lục 2, 3, 4, 5 và 6 kèm theo*).

- Các Bộ, ngành và địa phương đẩy mạnh triển khai Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 34/2009/QH12 ngày 19/06/2009 của Quốc hội khóa XII về đẩy mạnh thực hiện chính sách, pháp luật về quản lý chất lượng, vệ sinh an toàn thực phẩm (phê duyệt kèm theo Quyết định số 734/QĐ-TTg ngày 25/10/2010); Chiến lược quốc gia An toàn thực phẩm giai đoạn 2011 - 2020 và tầm nhìn 2030 (ban hành kèm theo Quyết định 20/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ) và Quyết

định 01/2012/QĐ-TTg về một số chính sách hỗ trợ việc áp dụng Quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt trong nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản.

- Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tiếp tục nghiên cứu xây dựng và ban hành theo thẩm quyền hoặc trình các cấp có thẩm quyền ban hành chính sách khuyến khích, hỗ trợ tiêu thụ sản phẩm rau an toàn, đồng thời thực hiện các biện pháp để nâng cao ý thức tuân thủ pháp luật của người dân, trách nhiệm của chính quyền và các cơ quan chuyên ngành ở địa phương trong việc quản lý an toàn thực phẩm đối với chuỗi sản phẩm rau, củ, quả và chè an toàn. Cụ thể như:

+ Tiếp tục thực hiện phổ biến, tuyên truyền Luật an toàn thực phẩm và các văn bản pháp luật có liên quan tới người dân, tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh, chế biến các sản phẩm rau, củ, quả;

+ Ban hành văn bản đôn đốc, chỉ đạo, hướng dẫn các địa phương thực hiện việc quy hoạch vùng sản xuất tập trung, sản xuất rau an toàn, kiểm tra, giám sát sản phẩm rau, củ, quả và chè trước khi lưu thông trên thị trường;

+ Tiếp tục triển khai, nhân rộng mô hình sản xuất theo chuỗi sản phẩm rau, củ, quả tới nhiều địa phương trên toàn quốc;

+ Thực hiện việc hỗ trợ, nâng cao chất lượng của đội ngũ cán bộ, công chức làm nhiệm vụ quản lý an toàn thực phẩm theo Quyết định số 809/QĐ-TTg về Đề án tăng cường năng lực quản lý chất lượng nông, lâm, thủy sản và muối giai đoạn 2011-2015.

- Bộ Y tế và Bộ Công Thương có văn bản chỉ đạo các đơn vị thuộc Bộ, các địa phương tăng cường phối hợp với ngành Nông nghiệp trong công tác quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm.

- Bộ Công Thương chỉ đạo Sở Công Thương đẩy mạnh việc kiểm tra, giám sát an toàn thực phẩm đối với chuỗi sản phẩm rau, củ, quả tại các chợ, siêu thị.

- Bộ Y tế chủ trì, phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Công Thương và các Bộ, ngành có liên quan tổ chức tổng kết 05 năm thực hiện Luật An toàn thực phẩm vào năm 2016.

- Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tăng cường trách nhiệm quản lý nhà nước nhằm thực hiện đồng bộ, hiệu quả một số nội dung sau đây:

+ Ban hành theo thẩm quyền văn bản quy phạm pháp luật, văn bản chỉ đạo triển khai thực hiện văn bản quy phạm pháp luật, chương trình, đề án, dự án về sản xuất, chế biến rau, củ, quả và chè an toàn;

+ Chỉ đạo tổ chức triển khai phổ biến, tập huấn quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm theo chuỗi sản phẩm rau, củ, quả và chè cho cán bộ, tổ chức, cá nhân sản xuất, chế biến, tiêu thụ các sản phẩm này;

+ Thường xuyên tổ chức thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm đối với các cơ quan nhà nước, tổ chức, cá nhân sản xuất, chế biến, lưu thông, kinh doanh các sản phẩm rau, củ, quả và chè;

+ Tăng cường trách nhiệm của người đứng đầu các Sở, ngành và Ủy ban nhân dân các cấp trong việc triển khai thực hiện đồng bộ các giải pháp, nhiệm vụ nhằm tổ chức thi hành pháp luật về an toàn thực phẩm theo chuỗi sản phẩm rau, củ, quả và chè phù hợp với phạm vi chức năng, thẩm quyền được giao quản lý nhà nước.

Trên đây là Báo cáo về tình hình thi hành pháp luật về an toàn thực phẩm theo chuỗi sản phẩm rau, củ, quả và chè. Bộ Tư pháp kính báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, có ý kiến chỉ đạo./.

Nơi nhận:

- Như trên (để báo cáo);
- Phó Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Xuân Phúc (để báo cáo);
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Các Thứ trưởng (để biết);
- Văn phòng Chính phủ, các Bộ: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Y tế, Công Thương, Khoa học và Công nghệ (để phối hợp);
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW (để phối hợp);
- Các đơn vị: VĐCXDPL; PLHSHC; PLDSKT; KTVBQPPL; KSTTHC, VP Bộ (để thực hiện);
- Sở Tư pháp các tỉnh, thành phố trực thuộc TW (để thực hiện);
- Lưu: VT, Cục QLXLVPHC&TDTHPL (02b).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

(đã ký)

Nguyễn Thúc Hiền